



CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ BITCO BÌNH ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 127/2025/CBTT-CT

Bình Định, ngày 19 tháng 4 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà nội

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư Bitco Bình Định

Mã chứng khoán: BTN

Trụ sở: Km 1215 Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định.

Điện thoại: (0256) 3832809

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Ngọc Linh

Địa chỉ: Công ty cổ phần Đầu tư Bitco Bình Định

Điện thoại (di động, cơ quan): 0256.3832809

Loại Công bố thông tin: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo thường niên 2024 của Công ty cổ phần Đầu tư Bitco Bình Định.

Thông tin này cũng được chúng tôi công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại: www.tuynenbinhdinh.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Website Cty
- HĐQT, BKS (đề b/c)
- Ban GD (đề b/c)
- P.KTTV
- Lưu VT

Tệp đính kèm:

- Báo cáo thường niên

Người thực hiện công bố thông tin

(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Ngọc Linh

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:-

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BITCO BÌNH ĐỊNH**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4100431180 do Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Bình Định cấp lần đầu, ngày 28 tháng 12 năm 2001; thay đổi lần thứ 11, ngày 17 tháng 02 năm 2023.
- Vốn điều lệ: 44.655.700.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 44.655.700.000 đồng
- Địa chỉ: Km 1215, Quốc Lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định, Việt Nam.
- Số điện thoại: (0256) 3832809, 3832176.
- Website: <http://www.tuynenbinhdinh.com.vn>
- Mã cổ phiếu: **BTN**

*** Quá trình hình thành và phát triển:**

Công ty cổ phần Đầu Tư Bitco Bình Định Bình Định, nguyên trước đây là Xí nghiệp công tư hợp doanh gạch ngói Phước An được thành lập ngày 02/02/1978 theo Quyết định số 1570 của UBND tỉnh Nghĩa Bình; đến ngày 28/12/1992 UBND tỉnh ra Quyết định số 2615/QĐ-UB về thành lập doanh nghiệp Nhà nước Xí nghiệp gạch ngói Phước An; đến ngày 07/09/1996 UBND tỉnh ký Quyết định số 2133/QĐ-UB về thành lập Xí nghiệp gạch Tuy nen Bình Định; đến ngày 28/12/2001 UBND tỉnh Bình Định đã ban hành Quyết định số 131/QĐ-UB về việc chuyển đổi Xí nghiệp gạch Tuy nen Bình Định thành Công ty cổ phần gạch Tuy Nen Bình Định. Ngày 08/07/2023 Đại Hội Đồng Cổ Đông Thông Qua Nghị quyết số 226/2023/ĐHĐCĐ-BTN về việc thay đổi Tên Công ty Thành Công ty Cổ phần Đầu tư Bitco Bình Định

Ngày 24/12/2001 tổ chức thành công phiên đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng tại Công ty với tổng số cổ phần chào bán thành công là 20.000 cổ phần và giá đấu thành công bình quân là 100.000 đồng/cổ phần.

Ngày 25/12/2001 tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Gạch Tuy nen Bình Định.

Ngày 28/12/2001 Công ty được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Gạch Tuy nen Bình Định theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 35 03 000018, đăng ký lần

đầu ngày 28/12/2001 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Định cấp với vốn điều lệ là 2.000.000.000 đồng. Đăng ký thay đổi lần thứ 11, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 4100431180, ngày 17 tháng 02 năm 2023, Vốn điều lệ 44.655.700.000 đồng

Ngày 25/07/2023 Công ty được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Đầu Tư Bitco Bình Định đăng ký lần đầu ngày 28/12/2001 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Định cấp và /Đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 25/07/2023,

Ngày 16/06/2017 Công ty Cổ phần Gạch Tuy Nén Bình Định được Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) chấp thuận hồ sơ đăng ký Công ty đại chúng theo Công văn số 4146/UBCK-GSĐC của UBCKNN. Ngày 08/11/2018 Công ty Cổ phần Gạch Tuy Nén Bình Định được Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) chấp thuận Báo cáo kết quả đăng ký phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (Quỹ đầu tư và phát triển), số lượng đã phân phối 1.465.570 cổ phiếu.

Ngày 16/06/2017 Công ty Cổ phần Gạch Tuy Nén Bình Định được Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) chấp thuận hồ sơ đăng ký Công ty đại chúng theo Công văn số 4146/UBCK-GSĐC của UBCKNN.

Công ty được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp Giấy Chứng nhận đăng ký Chứng khoán lần đầu ngày 11/10/2017; Đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 12/12/2018, với tổng số cổ phiếu đăng ký là 4.465.570 cổ phiếu.

- Thành tích đạt được:

- + Huân chương lao động hạng ba năm 2001
- + Huân chương lao động hạng nhì năm 2007
- + Huân chương lao động hạng nhất năm 2012
- + Giải thưởng “doanh nghiệp Việt Nam vàng” năm 2008.
- + Giải thưởng “Doanh nghiệp xuất sắc toàn quốc” lần thứ I năm 2009.
- + Giải bạc chất lượng Quốc gia năm 2011.
- + Giải bạc chất lượng Quốc gia năm 2019
- + Giải thưởng chất lượng Quốc gia năm 2020.
- + Dấu hiệu chứng nhận thương hiệu Việt uy tín năm 2013.
- + Thương hiệu, nhãn hiệu Vàng Việt Nam năm 2014.
- + Chứng thư thẩm định tín nhiệm doanh nghiệp năm 2015
- + Danh hiệu hàng Việt Nam chất lượng cao năm 2016, 2017
- + Cúp vàng thương hiệu Việt uy tín năm 2016
- + Doanh nghiệp Khoa học Công nghệ năm 2020
- + Giấy chứng nhận Sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh năm 2022.
- + Giấy chứng nhận Sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp quốc gia năm 2023.

+ Cùng các giải thưởng khác...

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh:

+ Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Chi tiết: Sản xuất gạch bằng lò tuy nén,

sản xuất các loại vật liệu xây dựng cao cấp và vật liệu công nghệ mới; vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

+ Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu:

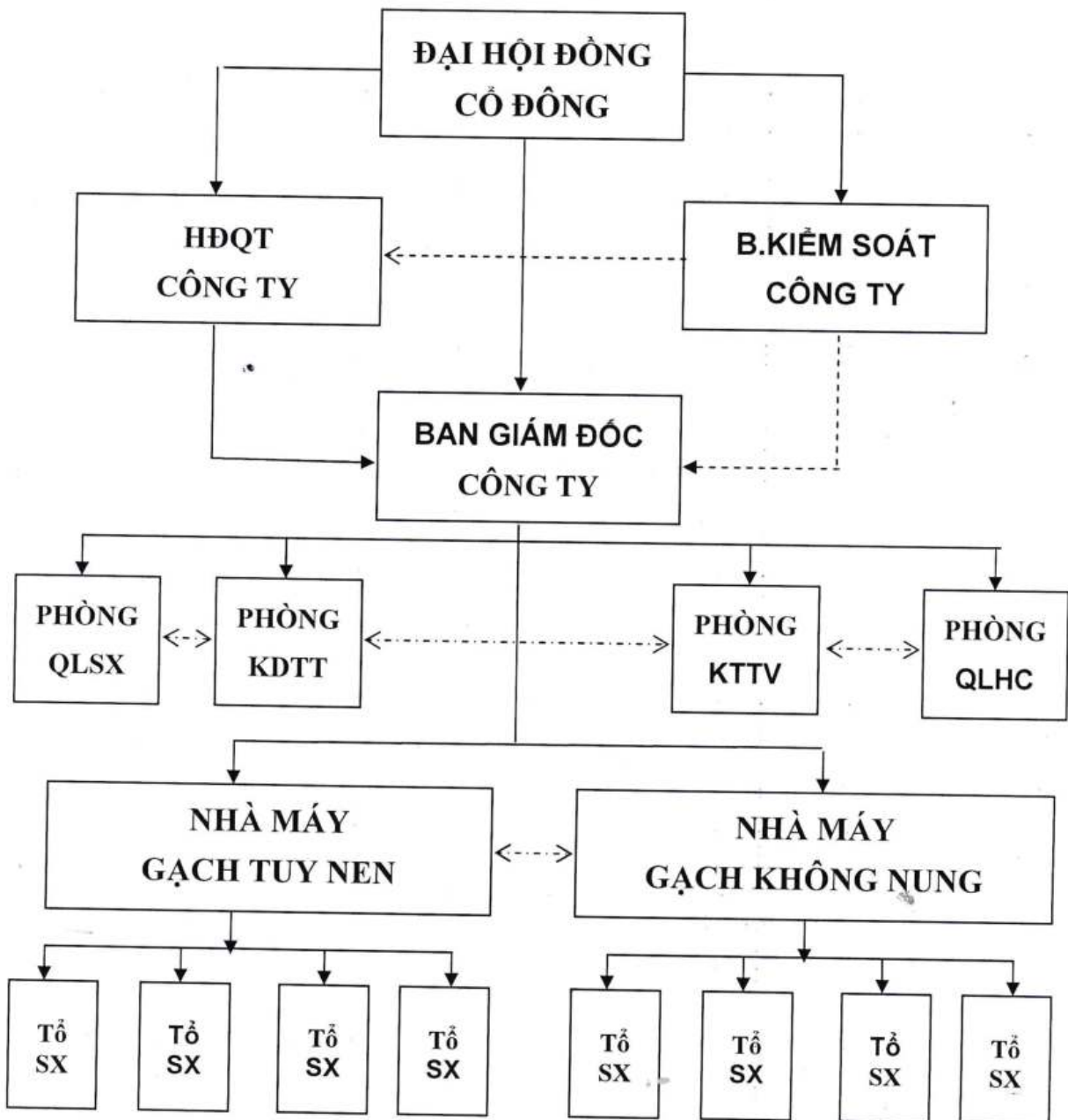
Chi tiết: Sản xuất gạch không nung, sản phẩm bê tông khí chưng áp.

+ Bán buôn vật liệu xây dựng

+ Bán buôn hàng nông sản

- Địa bàn kinh doanh: Chủ yếu tại khu vực tỉnh Bình Định, TP.Hồ Chí Minh và một số tỉnh lân cận.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:



Ghi chú :

-----> Quan hệ Kiểm tra giám sát

-----> Quan hệ Chỉ huy

-----> Quan hệ Phối hợp

4. Định hướng phát triển

a) Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Chuyển đổi từng bước vững chắc SXKD từ vật liệu nung sang không nung, đáp ứng yêu cầu của quyết định số : 567/2011/TTg-CP về “Chiến lược quy hoạch phát triển VLXD không nung, xây dựng Cty có thị phần đạt quy mô 50-60 tr.v/năm đến năm 2025.

- Không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh các lĩnh vực ngành nghề mà pháp luật cho phép phù hợp năng lực của Công ty, nhằm mang lại hiệu quả cao nhất cho Công ty và người lao động, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần, điều kiện làm việc cho người lao động.

- Huy động và sử dụng vốn bảo đảm có hiệu quả trong sản xuất kinh doanh, bảo toàn vốn nhằm phát triển bền vững, đảm bảo các chỉ tiêu tài chính năm sau cao hơn năm trước, mang lại lợi ích tối đa cho các cổ đông Công ty và đạt mục tiêu hiệu quả cho xã hội.

b) Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Phát triển doanh nghiệp theo hướng đa ngành nghề, đa lĩnh vực; dựa trên ngành truyền thống sản xuất và cung ứng VLXD tạo chuỗi giá trị gia tăng NSCL cao, phát triển cả về chiều rộng lẫn chiều sâu; lấy chiều sâu làm mục tiêu chính .

- Giữ vững thị trường tiêu thụ sản phẩm thương hiệu “ TUY NEN BINH DINH”, sản phẩm chủ yếu trong giai đoạn này là: gạch XMCL, gạch AAC, tấm panel ALC và các sản phẩm dịch vụ khác tạo nên chuỗi giá trị bền vững, hiệu quả cao”.

- Công ty có kế hoạch phát triển SXKD dài hạn đến 2025, tầm nhìn đến năm 2035 trở thành nhà sản xuất và cung ứng sản phẩm VLXD có quy mô lớn tại Miền trung và Tây nguyên,.... tạo giá trị gia tăng hợp lý và hiệu quả cao, bao gồm:

Sản phẩm và dịch vụ : sản phẩm chính là gạch và cấu kiện không nung gồm XMCL; gạch AAC; tấm panel ALC; Vữa trát công nghiệp, keo dán và vật tư phụ kiện; các dịch vụ vận chuyển logistic, mua bán trao đổi vật tư thiết bị xây dựng và VLXD.

Mở rộng lĩnh vực ngành nghề khác : đầu tư sản xuất mới; thương mại; bất động sản; nông sản ... bằng hình thức liên doanh, liên kết, góp vốn khi có cơ hội.

+ Nhà máy sản xuất gạch Tuy nen Bình Định (cho thuê, liên kết sản xuất...)

+ Nhà máy gạch bê tông nhẹ: XMCL và gạch bê tông khí chưng áp AAC, công suất 100.000 m³/năm

+ Nhà máy sản xuất vữa chuyên dụng, keo dán,...

+ Xưởng sản xuất công cụ dụng cụ phục vụ xây lắp gạch AAC, tấm panel.

+ Hệ thống dịch vụ đại lý, cung ứng vận chuyển và tư vấn người tiêu dùng.

5. Các rủi ro:

Biến động giá cả thị trường làm tình hình SXKD của công ty trong năm 2024 cũng gặp nhiều khó khăn: Chi phí đầu vào tiếp tục tăng, giá bán cạnh tranh gay gắt, thị trường đầu tư xây dựng chậm hoặc giãn, lãi suất tăng...

Ở Bình Định các cơ sở sản xuất gạch nung thủ công bằng lò đứng chuyển sang sản xuất gạch nung bằng lò Hoffman & gạch xi măng cốt liệu. Sau chuyển đổi năng lực

sản xuất cao hơn nhu cầu sử dụng, sức mua thị trường giảm mạnh; Gạch xi măng cốt liệu quy mô nhỏ, chất lượng, mẫu mã chưa phù hợp. Tạo cạnh tranh về giá không lành mạnh, có lúc giảm giá thấp hơn giá thành sản xuất để duy trì sản xuất giữ lao động và trả nợ vốn đầu tư vay Ngân hàng; Công ty có sản phẩm gạch tuynen truyền thống và gạch XMCL lại đứng trước khó khăn mới. Trong khi đó sản phẩm bê tông nhẹ khí chung áp (gạch AAC và tấm panel ALC) là sản phẩm mới thị trường chưa quen sử dụng. Đây là một đặc điểm vừa khó khăn, vừa thách thức và cơ hội cho chúng ta.

Ngành nghề sản xuất kinh doanh của Công ty phụ thuộc vào nguồn cung cấp tại địa phương và từ bên ngoài. Nguyên liệu chính để sản xuất sản phẩm là: Xi măng, cát, vôi bột, bột nhôm, than, đá mặt,...

Nguồn vôi bột (đá vôi sau nung) sản xuất SP bê tông khí chung áp, Công ty liên kết các nhà máy sản xuất vôi Miền Trung và Miền Bắc để cung ứng cho sản xuất.

Xi măng, cát, đá mặt, bột nhôm thị trường trong nước có sẵn.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Căn cứ nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số Nghị Quyết Số 470/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/08/2024, ĐHĐCĐ đã thông qua phương án sản xuất kinh doanh năm 2024 với các chỉ tiêu tài chính cơ bản về Doanh thu thuần và Lợi nhuận sau thuế. Theo Báo cáo thực hiện kế hoạch 12 tháng năm 2024 của Công ty, HĐQT nhận thấy tình hình thị trường gặp một số khó khăn do biến động giá cả thị trường; tình hình vốn đầu tư các công trình xây dựng cơ bản gặp khó khăn; một số chính sách nhà nước về sử dụng gạch không nung chưa triển khai triệt để, các công trình nhà cao tầng vẫn còn sử dụng gạch truyền thống gạch đất sét nung. Ngoài ra sản phẩm bê tông khí chung áp còn mới mẻ đối với thị trường khu vực Miền trung – Tây nguyên nên người tiêu dùng còn e ngại ...

- **Tình hình thực hiện so với kế hoạch :**

TT	Nội dung	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	Tỷ lệ % so 2023	Tỷ lệ % so KH 24
1	Sản lượng sản xuất gạch (tr viên)	4,256	10,997	8,447	198,47	76,81
	Trong đó:					
	- Gạch không nung XMCL	3,165	8,400	7,521	237,61	89,53
	- Gạch bê tông nhẹ AAC	1,091	2,597	0,926	84,87	35,65
2	Sản lượng nhập hàng hóa					
	- Gạch nung (triệu viên)	2,842	0,900	1,381	48,59	153,41
3	Sản lượng tiêu thụ gạch các loại	8,185	12,647	9,945	121,50	78,63
	Trong đó: - Gạch nung	2,813	1	1,570	55,80	156,99
	- Gạch không nung XMCL	4,652	8,400	7,282	156,54	86,68
	- Gạch bê tông nhẹ AAC	0,720	3,247	1,093	151,76	33,67
	Sản lượng tiêu thụ nông sản (tr kg)	3,907				
4	Khối lượng vận chuyển (tr viên)	4,798	7,447	4,001	83,38	53,72

	Trong đó: - Gạch nung	1,579	0	1,517	96,07	0
	- Gạch không nung XMCL	2,838	4,200	1,515	53,40	36,08
	- Gạch bê tông nhẹ AAC	0,382	3,247	0,969	253,88	29,84
5	Tổng doanh thu (Tỷ đồng)	46,824	24,201	17,505	37,39	72,33
	Trong đó:					
	-DT SX KD	44,033	20,154	14,022	31,84	69,57
	-DT dịch vụ VC	1,922	2,979	1,784	92,78	59,88
	-DT Tài chính + Thu nhập khác	0,868	1,068	1,133	130,41	106,04
6	Tổng Chi phí (Tỷ đồng)	54,934	32,227	27,740	50,50	86,08
7	Lợi nhuận T.thuế (Tỷ đồng)	-8,110	-8,026	-10,235	126,20	127,52
	Lợi nhuận sau thuế (Tỷ đồng)	-8,110	-8,026	-10,235	126,20	127,52
8	Tỷ lệ LN T.thuế/Vốn CSH (%)	-35,30	-53,70	-0,80	2,27	1,49
9	Thực hiện Đầu tư (Tỷ đồng)	0	0	0	0	0
10	Thu nhập NLD (triệu đồng/tháng)	8,0	10,5	10,6	132,50	100,95

Nhìn chung tình hình hoạt động SXKD trong năm 2024 nhìn chung mảng chính gạch các loại tăng hơn so với năm 2023 (SL SX tăng 98,47%, SL tiêu thụ gạch 21,50%) nhưng vẫn lỗ nguyên nhân chính do chi phí lãi vay tăng do lãi quá hạn lãi xuất vay cao và do Khấu hao dây chuyền gạch AAC không đạt công xuất.

Tuy nhiên không đạt chỉ tiêu so với kế hoạch: Doanh thu đạt 72,33%, SL đạt 76,81%, SL Tiêu Thụ 78,63% so với kế hoạch. Nguyên nhân do biến động giá cả thị trường làm ảnh hưởng đến sản lượng tiêu thụ gạch.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành: (gồm Giám đốc, phó Giám đốc, kế toán trưởng, trưởng phòng nghiệp vụ, quản đốc nhà máy,...)

STT	Họ tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Trần Mạnh Hùng	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19/3/2020
2	Lê Thảo Phương	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm từ 05/07/2021
3	Trần Thị Bích Vân	P.Trưởng phòng KTTV	Bổ nhiệm từ 7/2019

a). Ông Trần Mạnh Hùng – Thành viên HĐQT – Kiêm Giám đốc

- Họ và tên : Trần Mạnh Hùng
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 21 - 09 - 1974
- Nơi sinh : Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An
- Quốc tịch : Việt Nam
- Quê quán : Xã Phước Quang, H. Tuy Phước, Tỉnh Bình Định
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay : Xã Phước Quang, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định
- Số CMND số : 211438984 Ngày cấp: 01/03/2008 Nơi cấp: Công an Bình Định
- Điện thoại liên hệ : 0905158202
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế - Chuyên ngành QTKD
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ : P.CT HĐQT kiêm giám đốc

- chức nhiệm yết
13. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không
14. Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
09/1996 - 11/2009	Công nhân Xí nghiệp gạch TuyNen Bình Định
12/2009 - 12/2013	Cán bộ quản lý kinh doanh Cty Cp gạch TuyNen Bình Định
01/2014 - 2/2019	Trưởng phòng KDTT Cty Cp gạch TuyNen Bình Định
3/2019 - 3/2020	Phó Giám đốc Cty Cp gạch Tuy nen Bình Định
3/2020 đến nay	Giám đốc Cty kiêm TV HĐQT

15. Hành vi vi phạm pháp luật : Không
16. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký công ty đại chúng: 10.475 cổ phần, chiếm 0,23 % tổng cổ số phần của Công ty.

- Sở hữu cá nhân: 10.475 cổ phần
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần

17. Sở hữu cổ phần của những người có liên quan (Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ/chồng, anh, chị em ruột, con, con nuôi):

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Địa chỉ	CMND/Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Nơi công tác	Chức vụ	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ %
1	Trần Thị Bích Vân	16/06/1979	Cát Tân, Phù Cát, Bình Định	211601178	05/06/2010	Công an Bình Định	Cty Cp Đầu tư Bitco BĐ	Phó TP KTTV	Vợ	7	0
2	Lê Huy Hoàng	09/11/1959	Phường 9; Tp Thủ Đức	211043632	07/01/2013	Công an Bình Định	Cty Cp Đầu tư Bitco BĐ		Anh ruột	28	0

b). Bà Lê Thảo Phương –Kế toán trưởng (05/07/2021)

1. Họ và tên : Lê Thảo Phương
2. Giới tính : Nữ
3. Ngày sinh : 19/10/1989
4. Nơi sinh : Xã Phước Lộc, H. Tuy Phước, T. Bình Định.
5. Quốc tịch : Việt Nam
6. Quê quán : TP Vinh, Nghệ An
7. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay : Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định
8. Số CMND số : 215067146 Ngày cấp: 09/05/2016 Nơi cấp: Công an Bình Định
9. Điện thoại liên hệ : 0906511309
10. Trình độ văn hóa : 12/12
11. Trình độ chuyên môn : Cử nhân kế toán
12. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức nhiệm yết : NV kế toán (5/2014-04/07/2021)
Kế toán trưởng (05/07/2021 đến nay)

13. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không

14. Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
05/2014-06/2021	Nhân viên kế toán Cty CP gạch Tuy nen Bình Định
07/2021 đến nay	Kế toán trưởng Công ty CP Đầu tư Bitco Bình Định

15. Hành vi vi phạm pháp luật : Không

16. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký giao dịch: 0 cổ phần, chiếm 0 % tổng cổ số phần của Công ty.

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần

17.Sở hữu cổ phần của những người có liên quan:

T	Họ và tên	CMND/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ %
1	Lê Huy Hoàng	211043632	07/01/2013	CA Bình Định	Cha ruột	28	0
2	Nguyễn Thị Thanh	210130270	17/03/2012	CA Bình Định	Mẹ ruột	9	0

c). Bà Trần Thị Bích Vân – Phó trưởng phòng KTTV

- Họ và tên : Trần Thị Bích Vân
- Giới tính : Nữ
- Ngày sinh : 16 - 06 – 1979
- Nơi sinh : Xã Cát Tân , H.Phù cát, T.Bình Định
- Quốc tịch : Việt Nam
- Quê quán : Xã Cát Tân , H.Phù cát, T.Bình Định
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay : Xã Phước quang, H.Tuy Phước, T.Bình Định
- Số CMND số : 21601178 Ngày cấp 5/6/2010 Nơi cấp: Công an Bình Định
- Điện thoại liên hệ : 0984485081
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức niêm yết : Phó trưởng phòng KTTV
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không
- Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
12/2002 - 7/2019	Nhân viên kế toán
7/2019 – đến nay	Phó trưởng phòng KTTV

15. Hành vi vi phạm pháp luật : Không

16. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký công ty đại chúng: 7 cổ phần, chiếm 0 % tổng cổ số phần của Công ty.

- Sở hữu cá nhân: 7 cổ phần
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần

17. Sở hữu cổ phần của những người có liên quan (Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ/chồng, anh, chị em ruột, con, con nuôi):

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Địa chỉ	CMND/Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Nơi công tác	Chức vụ	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ %
1	Trần Mạnh Hùng	21/09/1974	Phước Quang, Tuy Phước, Bình Định	211438984	01/03/2008	Công an Bình Định	Cty Cp Đầu tư bitco BĐ	Giám đốc	Chồng	10.475	0,23

Những thay đổi trong Ban điều hành:

Trong năm 2024 ban điều hành không có sự thay đổi về nhân sự

Số lượng cán bộ, nhân viên:

Các chính sách Người lao động, thu nhập ở mức trung bình, các quyền lợi đảm bảo theo Pháp luật qui định; 100% Người lao động được đóng góp BHXH, BHYT các chế độ và các quyền lợi khác v.v. Ngoài ra Công ty còn phối hợp tổ chức Công đoàn thực hiện ký kết TULD tập thể, giao ước thi đua để góp phần hoạt động SXKD đạt kế hoạch.

TT	Nội dung	Số lao động đến 31/12 (người)	Số lao động BQ Năm (người)	Qũy lương kế hoạch (triệu đồng)	Qũy lương thực hiện (triệu đồng)	Thu nhập BQ năm (1000 đ)
I	Năm 2023	20	26	5.493	2.540	8.000
1	Lao động trực tiếp	12	18	3.228	1.221	6.500
2	Lao động quản lý	8	8	2.265	1.319	9.500
II	Năm 2024	26	25	5.868	3.592	10.600
1	Lao động trực tiếp	17	16	3.025	1.986	10.000
2	Lao động quản lý	9	9	2.843	1.606	11.200
III	So sánh năm 2024 với năm 2023					
1	Gía trị	26/20	25/26	5.868/5.493	3.592/2.540	10.600/8.000
2	Tỷ lệ %	130,00	96,15	106,83	141,42	132,50

Công ty thực hiện chính sách trả lương theo sản phẩm, lao động quản lý, ban lãnh đạo trả lương theo lương khoán vị trí công việc. Trong năm chỉ tiêu sản xuất, tiêu thụ không đạt so với kế hoạch, tuy nhiên tiền lương thu nhập người lao động đạt kế hoạch và tăng hơn so với năm 2023 (32,50%). Thực hiện chính sách ổn định thu nhập, duy trì và thu hút lao động để đảm bảo Hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- Về đầu tư dự án: Năm 2024 không đầu tư thêm dự án.

Tình hình Dự án đầu tư Nhà máy gạch bê tông nhẹ :

+ Dây chuyền sản xuất gạch polyme khoán tổng hợp (gạch XMCL): đã quyết toán và đi vào hoạt động sản xuất năm 2015 đến nay vẫn duy trì hoạt động sản xuất tuy

nhiên không khai thác hết công suất máy do thị trường chủ yếu các công trình xây dựng cơ bản (20%). Năm 2024 tiếp tục nghiên cứu cải thiện chất lượng, tăng năng suất sản xuất và khai thác thêm thị trường tiêu thụ.

+ *Dây chuyền sản xuất gạch bê tông khí chưng áp (Gạch AAC)*: trong năm 2024 nhận thấy thị trường Miền trung và Tây Nguyên có tiến triển về vật liệu không nung đặc biệt là sản phẩm tấm panel, gạch AAC và vật liệu chuyên dụng. Tuy nhiên nhu cầu thị trường thấp, sản phẩm còn mới mẻ so với thị trường Miền Trung và Tây Nguyên, nhận thức người tiêu dùng chưa được cải thiện...

- *Về đầu tư tài chính*: trong năm 2024 công ty không đầu tư tài chính, tập trung thực hiện tái cấu trúc tài chính và huy động vốn theo Nghị Quyết Số 470/2024/NQ-ĐHCD ngày 17/08/2024 đồng thời trả nợ vay nên không đầu tư tài chính, cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu	01/01/2024	Vay thêm	Đã trả	31/12/2024
1	Nợ ngắn hạn (tỷ đồng)	25,14	4,62	3,65	26,11
2	Nợ trung và dài hạn (tỷ đồng)	6,64		2,97	3,67
3	Lãi vay năm 2024 (tỷ đồng)	4,61		0,13	4,48
	Cộng	36,39	4,62	6,75	34,26

Năm 2024 căn cứ vào NQ Số 470/2024/NQ-ĐHCD ngày 17/08/2024; Trong năm BLĐ Huy động vốn và thành viên ban lãnh đạo để trả một phần gốc vay ngân hàng Vietcombank và hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 của công ty. Tuy Nhiên vẫn không đủ tài chính để chi trả nợ vay và hoạt động sản xuất kinh doanh.

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Tỷ đồng
			% Tăng/giảm (24/23)
Tổng giá trị tài sản	64,678	56,896	- 12,03
Doanh thu thuần	46,789	17,492	- 62,62
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(6,218)	(9,377)	+ 50,80
Lợi nhuận khác	(1,892)	(0,558)	- 70,51
Lợi nhuận trước thuế	(8,110)	(10,235)	+ 26,20
Lợi nhuận sau thuế	(8,110)	(10,235)	+ 26,20
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	Không (vì lợi nhuận lỗ)	Không (vì lợi nhuận lỗ)	

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	0,29	0,16	
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			

+ Hệ số thanh toán nhanh <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	0,20	0,11	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ P.trả/Tổng tài sản	0,64	0,78	
+ Hệ số Nợ P.trả/Vốn chủ sở hữu	1,82	3,47	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	8,56	6,67	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,72	0,31	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-0,17	-0,46	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	-0,35	-0,64	Năm
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-0,13	-0,14	2024 lỗ
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	-0,13	-0,55	

Năm 2024 lỗ 10,235 tỷ đồng nguyên nhân do: Doanh thu chưa đạt điểm hòa vốn, giảm giá bán, công nợ phải thu kéo dài do tình hình khó khăn chung của khách hàng, trong khi không được cấp công nợ tương ứng từ nhà cung cấp dẫn đến khó khăn về nguồn vốn lưu động; CP khấu hao lớn, các chi phí đột biến phát sinh tăng: Cp hao vỡ cao, lãi vay+ lãi quá hạn ngân hàng đều tăng ...

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần:

- Tên chứng khoán : Cổ phiếu Công ty cổ phần Đầu Tư Bitco Bình Định
- Loại chứng khoán : Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá chứng khoán : 10.000 đồng (Mười nghìn đồng)
- Mã chứng khoán : BTN
- Tổng số lượng cổ phần đang lưu hành : 4.465.570 CP
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do : 4.465.570 CP
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định: 0 CP

5.2. Cơ cấu cổ đông: (Theo danh sách chốt gần nhất hiện có)

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	SLCP sở hữu	Tỷ lệ/Vốn điều lệ thực góp (%)
1	Cổ đông trong nước	545	4.396.662	98,46%
	- Tổ chức	0	0	0%
	- Cá nhân	544	4.396.662	98,46%
2	Cổ đông nước ngoài	1	100	0
	- Tổ chức	0	0	0
	- Cá nhân	1	100	0
3	Cổ phiếu quỹ	1	68.808	1,54%
	Tổng cộng	547	4.465.570	100%

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

5.5. Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường:

Tổng phát thải khí nhà kính trực tiếp và gián tiếp: không có

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: không có

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.

Nguồn nguyên liệu chính để sử dụng sản xuất sản phẩm gạch XMCL, AAC+ALC chủ yếu thu mua từ các nhà cung cấp trong tỉnh (xi măng, đá mặt, vôi bột, bột nhôm...). Trong năm Cty đã sử dụng:

- Đá mặt: 10.650 m³

- Xi măng: 219 tấn

- Vôi bột: 21 tấn

- Bột nhôm: 2,8 tấn

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: không

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

Công ty sử dụng điện năng do Điện lực Tuy Phước - Công ty điện lực Bình Định cung cấp; tổng lượng điện tiêu thụ bình quân trong năm: 250.000 kwh

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: không có

6.4. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

Trong năm Cty sử dụng nước ngầm cho sản xuất gạch bằng giếng khoan, lưu lượng 2 - 3 m³/h.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: nước sử dụng SX gạch không nung tuần hoàn 100%.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Diễn giải	Năm 2023	Năm 2024
Số lượng lao động bình quân	26	25
Tiền lương bình quân (đồng/người/tháng)	8.000.000	10.600.000

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Năm 2024, Cty tổ chức khám sức khỏe bệnh nghề nghiệp cho người lao động; thực hiện cấp đầy đủ trang phục cho người lao động đúng chế độ quy định; thực hiện chế độ trợ cấp, thăm hỏi ốm đau người lao động kịp thời; chính sách an sinh xã hội, hiếu hi, sinh nhật... Môi trường lao động luôn được cải thiện; dụng cụ hỗ trợ người lao động luôn được cải thiện để giảm bớt sức lao động. Chế độ BHXH, BHYT, BHTN; bảo hiểm con người 24/24,... Cty tham gia đầy đủ, kịp thời đúng quy định; Ngoài ra, còn tổ chức sinh nhật cho người lao động; tổ chức gặp mặt sinh hoạt tinh thần cho người lao động nhân các ngày lễ lớn trong năm.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: Hàng năm, Cty tổ chức đào tạo cho lao động trực tiếp, lao động kỹ thuật; cho đi tập huấn, đào tạo nghiệp vụ đối với nhân viên quản lý, kinh doanh.

- Đào tạo đội ngũ công nhân kỹ thuật vận hành dây chuyền sản xuất gạch XMCL.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: không có

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

- Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng: Hàng năm, Cty góp phần cùng địa phương hỗ trợ xây nhà tình nghĩa; hỗ trợ các gia đình chính sách, hộ nghèo; Xã nghèo vùng cao; ủng hộ đồng bào bị thiên tai lũ lụt; các tổ chức xã hội, cộng đồng khác,... khoản 50 triệu đồng.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Căn cứ chức năng nhiệm vụ theo quy chế, Ban Giám Đốc Công ty đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ chỉ huy điều hành mọi hoạt động SXKD của Công ty; Đồng thời, có chủ trương, giải pháp kịp thời để tháo gỡ, khắc phục những khó khăn vướng mắc trong thực tế. Năm 2024, hoạt động SXKD của Công ty đã đạt được một số kết quả do ĐHCĐ giao, tuy kết quả không cao, cụ thể chỉ tiêu chủ yếu như sau:

TT	Nội dung	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ % so 2023	Tỷ lệ % so
----	----------	-----------	----------	-----------	-----------------	------------

		2023	2024	2024		KH 24
1	Sản lượng sản xuất gạch (tr viên)	4,256	10,997	8,447	198,47	76,81
	Trong đó:					
	- Gạch không nung XMCL	3,165	8,400	7,521	237,61	89,53
	- Gạch bê tông nhẹ AAC	1,091	2,597	0,926	84,87	35,65
2	Sản lượng nhập hàng hóa					
	- Gạch nung (triệu viên)	2,842	0,900	1,381	48,59	153,41
3	Sản lượng tiêu thụ gạch các loại	8,185	12,647	9,945	121,50	78,63
	Trong đó: - Gạch nung	2,813	1	1,570	55,80	156,99
	- Gạch không nung XMCL	4,652	8,400	7,282	156,54	86,68
	- Gạch bê tông nhẹ AAC	0,720	3,247	1,093	151,76	33,67
	Sản lượng tiêu thụ nông sản (tr kg)	3,907				
4	Khối lượng vận chuyển (tr viên)	4,798	7,447	4,001	83,38	53,72
	Trong đó: - Gạch nung	1,579	0	1,517	96,07	0
	- Gạch không nung XMCL	2,838	4,200	1,515	53,40	36,08
	- Gạch bê tông nhẹ AAC	0,382	3,247	0,969	253,88	29,84
5	Tổng doanh thu (Tỷ đồng)	46,824	24,201	17,505	37,39	72,33
	Trong đó:					
	-DT SX KD	44,033	20,154	14,022	31,84	69,57
	-DT dịch vụ VC	1,922	2,979	1,784	92,78	59,88
	-DT Tài chính + Thu nhập khác	0,868	1,068	1,133	130,41	106,04
6	Tổng Chi phí (Tỷ đồng)	54,934	32,227	27,740	50,50	66,08
7	Lợi nhuận T.thuế (Tỷ đồng)	-8,110	-8,026	-10,235	126,20	127,52
	Lợi nhuận sau thuế (Tỷ đồng)	-8,110	-8,026	-10,235	126,20	127,52
8	Tỷ lệ LN T.thuế/Vốn CSH (%)	-35,30	-53,70	-0,80	2,27	1,49
9	Thực hiện Đầu tư (Tỷ đồng)	0	0	0	0	0
10	Thu nhập NLD (triệu đồng/tháng)	8,0	10,5	10,6	132,50	100,95

Đánh giá chung : Năm 2024, một số chỉ tiêu cơ bản về, sản lượng; doanh thu; lợi nhuận đạt 75% so với mục tiêu đề ra. Trong năm BGD cố gắng khai thác tìm đủ nguồn tài chính để trả nợ vay cho ngân hàng và duy trì đủ vốn cho hoạt động SXKD. Khai thác và mở rộng ngành nghề kinh doanh VLXD

- Về thị trường. Mặc dù Công ty đã nỗ lực với nhiều biện pháp thực hiện công tác tiếp thị và cung ứng sản phẩm cho thị trường và khuyến khích khách hàng sử dụng các dòng sản phẩm của công ty hiện có. Nhưng tốc độ tiêu thụ sản lượng vẫn chưa đạt kế hoạch so NQ HĐQT đề ra. Có mấy nguyên nhân sau :

+ Sản phẩm gạch nung chuyển sang hướng kinh doanh thương mại chịu sự cạnh tranh thiếu lành mạnh.

+ Sản phẩm gạch không nung cả tỉnh hiện có 10 đơn vị sản xuất, sức cạnh tranh giá rất lớn, CP NVL đầu vào ngày càng tăng (sản lượng tiêu thụ đa số các công trình XD CB).

+ Sản phẩm mới AAC và ALC còn quá lạ với thị trường, giới chuyên môn, các chủ đầu tư, đơn vị tư vấn thiết kế, nhà thầu. Sử dụng SP Gạch AAC+ALC cần sử dụng vật liệu xây dựng chuyên biệt kèm theo nên kén thị trường và gây tâm lý e dè khi sử dụng sản phẩm mới là điều khó tránh khỏi. Các dự án lớn về XD CB khởi công tại Bình Định năm 2024 đã được khảo sát, lập dự án, thiết kế từ các năm về trước, trong khi sản phẩm

AAC+ALC chưa có trên thị trường BD. Nên việc thuyết phục chủ đầu tư, nhà thầu thay đổi thiết kế chuyên sử dụng VLXKN AAC+ALC gặp khó khăn.

- Áp lực về tài chính, thiếu vốn lưu động nghiêm trọng cả sản xuất và thương mại do công nợ phải thu kéo dài do tình hình khó khăn chung khách hàng trong khi không được cấp công nợ tương ứng từ nhà cung cấp. Cũng là năm đến thời điểm phải trả nợ vay đầu tư cả lãi và gốc. Việc kêu gọi huy động vốn gặp rất nhiều khó khăn. Ngoài ra, Công ty đang có tranh chấp ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam về Hợp đồng vay thế chấp tài sản.

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản (có đến 31.12.2024)

TT	Chỉ tiêu	01/01/2024	31/12/2024	(-)/(+) tr đồng	Tỷ lệ (CN/DN) (%)
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	10.243.508.818	6.505.268.694	-3.738	63,51
<i>I</i>	<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>151.961.197</i>	<i>78.782.731</i>	<i>-73</i>	<i>51,84</i>
1	Tiền	151.961.197	78.782.731	-73	51,84
2	Các khoản tương đương tiền	0	0	0	0
<i>II</i>	<i>Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
<i>III</i>	<i>Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<i>4.988.746.466</i>	<i>2.767.093.526</i>	<i>-2.222</i>	<i>55,47</i>
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4.306.082.632	1.664.713.189	-2.641	38,66
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	708.637.475	1.116.859.760	408	157,61
3	Phải thu ngắn hạn khác	2.900.000	14.394.218	11	496,35
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(28.873.641)	(28.873.641)	0	100,00
<i>IV</i>	<i>Hàng tồn kho</i>	<i>3.195.141.495</i>	<i>2.056.818.109</i>	<i>-1.138</i>	<i>64,37</i>
1	Hàng tồn kho	3.330.515.792	2.556.705.752	-774	76,77
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(135.374.297)	(499.887.643)	-365	369,26
<i>V</i>	<i>Tài sản ngắn hạn khác</i>	<i>1.907.659.660</i>	<i>1.602.574.328</i>	<i>-305</i>	<i>84,01</i>
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	75.119.044	116.407.405	41	154,96
2	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	1.832.540.616	1.486.166.923	-346	81,10
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	54.434.049.146	50.391.005.183	-4.043	92,57
<i>I</i>	<i>Các khoản phải thu dài hạn</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
<i>II</i>	<i>Tài sản cố định</i>	<i>54.049.008.374</i>	<i>50.015.355.649</i>	<i>-4.034</i>	<i>92,54</i>
1	Tài sản cố định hữu hình	54.049.008.374	50.015.355.649	-4.034	92,54
	-Nguyên giá	92.503.439.339	92.503.439.339	0	100,00
	-Giá trị hao mòn lũy kế	(38.454.430.965)	(42.488.083.690)	-4.034	110,49
<i>III</i>	<i>Bất động sản đầu tư</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
<i>IV</i>	<i>Tài sản dở dang dài hạn</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
<i>V</i>	<i>Đầu tư tài chính dài hạn</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
<i>VI</i>	<i>Tài sản dài hạn khác</i>	<i>385.040.772</i>	<i>375.649.534</i>	<i>-9</i>	<i>97,56</i>
1	Chi phí trả trước dài hạn	385.040.772	375.649.534	-9	97,56
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	0	0	0	0
CỘNG TÀI SẢN		64.677.557.964	56.896.273.877	-7.781	87,97

Tổng Tài sản năm 2024 giảm (-) 7.781 triệu đồng so với năm 2023 (tương ứng giảm 12,03%) nguyên nhân do Tài sản ngắn hạn giảm (-) 3.738 triệu đồng (nguyên nhân chính do các khoản phải thu ngắn hạn giảm (-) 2.222 triệu đồng; hàng tồn kho giảm (-)1.138 triệu đồng) và tài sản dài hạn giảm (-)4.034 (nguyên nhân chính do hạch

toán tăng khấu hao (-)4.034 triệu đồng).

2.2. Tình hình nợ phải trả

STT	Chỉ tiêu	01/01/2024	31/12/2024	(-)/(+) triệu đồng	Tỷ lệ (CN/ĐN) (%)
I	Nợ ngắn hạn	34.713.990.390	40.118.118.793	5.404	115,57
1	Phải trả người bán	3.315.710.989	1.948.655.898	-1.367	58,77
2	Người mua trả tiền trước	37.426.253	1.013.421.151	976	2.707,78
3	Thuế và các khoản phải nộp NN	349.028.018	269.509.866	-80	77,22
4	Phải trả người lao động	0	741.567.999	742	-
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	3.956.732.645	8.038.525.473	4.082	203,16
6	Chi phí phải trả ngắn hạn khác	819.711.217	1.036.426.798	217	126,44
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	25.139.547.199	26.113.801.038	974	103,88
8	Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-	-	-
9	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.095.834.069	956.210.570	-140	87,26
II	Nợ dài hạn	6.992.815.741	4.042.007.741	-2.951	57,80
1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	6.641.865.741	3.667.177.741	-2.975	55,21
2	Phải trả người bán dài hạn	350.950.000	374.830.000	24	106,80
3	Quỹ phát triển khoa học công nghệ	-	-	-	-
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		41.706.806.131	44.160.126.534	2.453	105,88

Tổng nợ phải trả năm 2024 tăng (+)2.453 triệu đồng so với năm 2023 (tương ứng tăng 5,88%). Nguyên nhân chính do tăng CP phải trả ngắn hạn tăng (+)4.082 (CP lãi vay dự trả tăng do lãi suất cao+ lãi quá hạn). Mặt khác năm 2024 phát sinh Nợ dài hạn giảm (-)2.951 (Nguyên nhân chính do cơ cấu lại nguồn vốn vay chuyển từ ngắn hạn sang dài hạn).

*Đánh giá chung:

Nhìn chung tài sản của công ty nhiều hơn số nợ phải trả của công ty (1,29 lần), nhưng đa số tài sản đều dùng để thế chấp các khoản vay. Do ảnh hưởng biến động giá cả thị trường, biến động thị trường bất động sản nên hoạt động sản xuất kinh doanh bị giảm nên Hiệu suất sử dụng vốn cố định năm 2024 đạt 0,34 lần (so năm 2023 đạt 0,209 lần tăng 0,131 lần). Mặt khác do cạnh tranh về giá bán sản phẩm, thị trường còn mới mẻ với Sản phẩm mới (gạch AAC+ tấm panel ALC) nên không thể đạt được công suất tối đa. Tuy Nhiên năm 2024 là năm bước ngoặt để doanh nghiệp phát triển và mở rộng thị trường cho Sản phẩm bê tông khí (đặc biệt là tấm panel ALC) sau vài năm tạm dừng sản xuất. Tuy lợi nhuận còn thấp nhưng là bước tiến để thâm nhập và mở rộng thị trường miền trung trong lĩnh vực này.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Hiện tại, cơ cấu tổ chức quản lý tập trung Cty; Năm 2024 mô hình tổ chức công ty vẫn giữ; chỉ sắp xếp biên chế lao động hợp lý, giám đốc chỉ đạo trực tiếp đến các bộ phận phòng ban, nhà máy, sắp xếp kiện toàn nhân sự kiêm nhiệm nhiều công việc khác nhau.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Thực hiện chủ trương của Chính phủ về chuyển đổi sản phẩm từ gạch nung sang gạch không nung, công ty đã thực hiện và đưa vào sử dụng hai dây chuyền sản xuất gạch không nung gồm (gạch XMCL và gạch bê tông nhẹ aac, tấm panel alc) .

Công ty có kế hoạch phát triển SXKD dài hạn đến 2025, tầm nhìn đến năm 2035 trở thành nhà sản xuất và cung ứng sản phẩm VLXD có quy mô lớn tại Miền trung và Tây nguyên,.... tạo giá trị gia tăng hợp lý và hiệu quả cao, bao gồm:

Sản phẩm và dịch vụ : sản phẩm chính là gạch và cấu kiện không nung gồm XMCL; gạch AAC, Tấm panel ALC; Vữa trát công nghiệp, keo dán tấm và vật tư phụ kiện; sản phẩm nung gốm gồm xây dựng cao cấp, gốm mỹ thuật trang trí, các dịch vụ vận chuyển logistic, mua bán trao đổi vật tư thiết bị xây dựng và VLXD.

Mở rộng lĩnh vực ngành nghề khác : đầu tư sản xuất mới; thương mại; bất động sản ... bằng hình thức liên doanh, liên kết, góp vốn khi có cơ hội.

Ổn định việc làm nâng cao thu nhập cho người lao động; Bảo toàn và phát triển vốn; Làm tròn nghĩa vụ Ngân sách nhà nước; Xây dựng Doanh nghiệp phát triển mạnh, bền vững hàng đầu cả về kinh tế và mục tiêu xã hội; Đáp ứng nhu cầu thị trường trong khu vực và xuất khẩu với những sản phẩm dịch vụ tốt nhất, tiến tiến-hiện đại nhất.

5. Giải trình của Bán Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: (không có)

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty.

6.1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)

Hàng năm, Cty luôn duy trì thực hiện việc đánh giá, báo cáo giám sát môi trường lao động; hợp đồng đơn vị thu gom các chất thải không tái sử dụng lại được.

- Sử dụng nước giếng khoan đủ dùng cho sản xuất và có thể tái sử dụng lại
- Sử dụng điện năng đảm bảo định mức; có chế độ bảo trì bảo dưỡng, thay thế động cơ điện; chế độ quản lý sử dụng điện trước - trong - sau quá trình sản xuất để thực hiện tiết kiệm điện.

6.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Cty luôn quan tâm đến chế độ an sinh lâu dài cho người lao động; tham gia đóng BHXH, BHYT, BHTN, kịp thời; thực hiện chế độ trang bị phòng hộ cá nhân cho người lao động đầy đủ, kịp thời đúng quy định; tạo mọi điều kiện tốt nhất về vật chất, tinh thần cho người lao động khi làm việc tại Cty. Hàng năm, Công ty tổ chức cho người lao động được đào tạo cho người lao động.

6.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Để môi trường kinh doanh của doanh nghiệp thuận lợi; Cty luôn có trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương; góp phần cùng địa phương quan tâm đến công tác xã hội cộng đồng; công tác đền ơn đáp nghĩa, xóa nhà ở đơn sơ; hỗ trợ các gia đình chính sách, hộ nghèo, ủng hộ, tài trợ các tổ chức xã hội khi gặp thiên tai và các tổ chức xã hội

khác,...

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Hoạt động SXKD của Công ty năm 2024, có một số đặc điểm như sau: thuận lợi và khó khăn như sau:

Khách quan : Do biến động giá cả thị trường, thị trường bất động sản bị chậm hoặc chững, huệ lũy kéo theo về giải ngân cho các dự án khó khăn, vốn đầu tư cho XDCB chậm, nên ảnh hưởng đến tình hình tiêu thụ sản phẩm, thu hồi nợ, vốn lưu động của công ty gặp không ít khó khăn .

Đối với công ty : Năm 2024 Công ty tiếp tục thực hiện nhiệm vụ: tập trung khai thác sản phẩm gạch không nung trong đó sản phẩm mới gạch bê tông nhẹ aac và tấm panel ALC . Vì vậy, nổi lên 1 số khó khăn, thách thức như: Việc thực hiện Quyết định: 567/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chiến lược phát triển CN-VLXD không nung Việt nam đến năm 2030, đã có nhiều chuyển biến tích cực trên địa bàn tỉnh Bình Định nói riêng và cả nước nói chung; Ở Bình Định các cơ sở sản xuất gạch thủ công bằng lò đứng đóng cửa và chuyển sang sản xuất nung bằng lò Hoffman, gạch xi măng cốt liệu. Do nguồn cung cấp gạch xây cao hơn nhu cầu sử dụng; tạo xu hướng cạnh tranh về giá không lành mạnh; việc thực hiện chủ trương của Chính phủ về sử dụng gạch không nung chưa triệt để. Các cơ sở sản xuất gạch cốt liệu đã đầu tư đưa vào hoạt động, sản lượng tăng đáng kể nhưng quy mô không lớn, công nghệ chưa tiên tiến nên chất lượng sản phẩm chưa ổn định;

Sản phẩm gạch bê tông nhẹ khí chưng áp của Cty mới đầu tư, là sản phẩm công nghệ tiên tiến ưu việt, quy mô lớn, thị trường chưa quen xây dựng; Bên cạnh đó việc thiết kế, thi công sử dụng gạch không nung nói chung và gạch AAC+tấm ALC còn nhiều hạn chế chưa đồng bộ; nên ảnh hưởng lớn đến chủ trương Nhà nước về phát triển gạch không nung thay thế cho gạch nung; Hạn chế khuyến khích các nhà đầu tư sản xuất gạch không nung, đây là một đặc điểm vừa khó khăn, vừa thách thức và cơ hội cho chúng ta.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Cty

Căn cứ chức năng nhiệm vụ của mình, Ban Giám Đốc Công ty đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ chỉ huy điều hành mọi hoạt động SXKD của Công ty; Đồng thời, có chủ trương, giải pháp kịp thời để tháo gỡ, khắc phục những khó khăn vướng mắc trong thực tế nhất là giải quyết trả nợ vay ngân hàng, áp lực trả lãi vay, ngoài ra còn đảm bảo nhu cầu vốn lưu động phục vụ cho SXKD. Trong năm hoạt động SXKD của Công ty đạt được kết quả do HĐQT giao, với những chỉ tiêu chủ yếu như sau:

Chỉ tiêu sản lượng:

- Sản xuất: 8,521 tr.v; đạt 76,81% kế hoạch

Tr.đó: +Gạch nung: 0

+ GXMCL: 7,521 tr.v;

- + Gạch A AC: 1.283 m³
- Nhập Hàng hóa:
 - + Gạch nung: 1,381 tr.v
- Tiêu thụ: Gạch: 9.945 tr.v.t.c; đạt 78,63% kế hoạch
- Tr.đó: +Gạch nung: 1,570 trv
 - +GXMCL: 7,282 tr.v
 - +Gạch A AC: 1,515 m³ ~ 1093 ng.v
- Vận chuyển: 4,001 tr.v; đạt 53,73% kế hoạch;

Chỉ tiêu doanh thu:	17,505 tỷ.đ; đạt	72,33 %	kế hoạch,
Trong đó : Bán SP:	14,021 tỷ.đ; đạt	69,57 %	kế hoạch,
Vận chuyển:	1,783 tỷ.đ; đạt	59,88 %	kế hoạch,
Tài chính, khác:	1,701 tỷ.đ; đạt		(k có KH),
- Hiệu quả kinh doanh:**
 - Lợi nhuận trước thuế: (lỗ : -10,235 tỷ đồng)/ KH (-8,026 Tỷ.đ)
 - + Lỗ từ hoạt động kinh doanh (9,394 tỷ đồng)
 - + Lỗ từ hoạt động khác (0,841 tỷ đồng)
 - Lợi nhuận sau thuế: (lỗ: -10,235 tỷ đồng)
 - Tỷ lệ cổ tức:** 0 đồng/cp;
 - Đầu tư dự án:** năm 2024 không có dự án mới

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Dự báo năm 2024, nền kinh tế thế giới và trong nước có nhiều tiềm ẩn rủi ro bất lợi khó lường. Đối Công ty xác định, năm 2024 là một năm nhiều khó khăn và thách thức lớn, hoạt động kinh doanh vẫn còn nhiều khó khăn, sức cạnh tranh ngày càng cao giữa các đơn vị cùng ngành nghề cũng như tình hình thực tế về cơ sở vật chất, tài chính, nguồn nhân lực tại doanh nghiệp. (Áp lực về tài chính thiếu vốn cho sản xuất, thương mại, trả nợ vay đầu tư dự án cả gốc, lãi; Nguồn nhân lực về quản lý và đội ngũ công nhân lành nghề; thị trường tiêu thụ...). Tuy nhiên, bằng sự quyết tâm cao từ HĐQT, BGD và tập thể CBCNV LĐ trong công ty. Tin tưởng vào QĐ số: 427/2019/NQ-HĐQT ngày 12/12/2019, V/v Phê duyệt Chiến lược phát triển SXKD giai đoạn 2020 – 2035 của Công ty là đúng đắn, có yếu tố bền vững và lâu dài. Cùng với việc xác định tập trung cao độ để thực hiện thắng lợi Nghị Quyết Số 470/2024/NQ-ĐHCD ngày 17/08/2024 về Phê duyệt chỉ tiêu nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2024.

Năm 2024, là năm còn gặp nhiều khó khăn của HĐQT Công ty; Trong bối cảnh hiện tại “ *Tiếp tục duy trì sản xuất, tháo gỡ khó khăn về tình hình thị trường, khó khăn tài chính, tái cấu trúc một số hoạt động, phát triển sản phẩm vật liệu không nung, vật liệu xây dựng khác, hoạt động cho thuê, huy động vốn SXKD bằng nhiều hình thức...*”. Ngoài ra, Công ty đang có tranh chấp với ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng và Ngân hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam về Hợp đồng vay thế chấp tài sản.

Hội đồng quản trị xác định phương hướng hoạt động trong năm 2024 như sau:

1. Tập trung chỉ đạo, giám sát việc tổ chức SXKD theo hướng khai thác tối đa sản phẩm gạch Xi măng cốt liệu đạt công suất hiệu quả và chi phí sản xuất hợp lý, tiếp cận khai thác thị phần cho sản phẩm bê tông khí chứng áp (AAC+ALC) đạt hiệu quả; có điều chỉnh linh hoạt các phương án tổ chức SXKD hợp lý .

2. Tiếp tục tuyển dụng và kiện toàn nhân sự quản lý lãnh đạo Công ty (HĐQT; BKS;BLĐ;các phòng ban...); đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, phù hợp cơ chế thị trường;

Đảm bảo Doanh nghiệp ổn định và phát triển.

3. Tiếp tục khai thác có hiệu quả mặt bằng, tài sản khu vực Nhà máy gạch tuyen có hiệu quả theo 06 biện pháp phương án SXKD năm 2020.

4. Tìm kiếm thị trường, đối tác mới là biện pháp quan trọng để hoàn thành nhiệm vụ SXKD; Tập trung xây dựng mở rộng mạng lưới kinh doanh khai thác các địa bàn tiềm năng: Miền trung -Tây nguyên và các khu vực lân cận. Tăng doanh thu và lợi nhuận hơn năm 2024, cụ thể doanh thu tăng 10%; lợi nhuận giảm lỗ 25% so với năm 2024.

5. Huy động các nguồn vốn bằng nhiều hình thức, nhằm đáp ứng nhu cầu SXKD theo kế hoạch và trả nợ ngân hàng; Đảm bảo tài chính, tài sản Công ty an toàn và đạt hiệu quả cao.

6. Hoàn thiện, cải tiến hệ thống quản trị Công ty theo hướng hiện đại-tiên tiến; Nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển quy mô Công ty cả về chiều rộng lẫn chiều sâu; Giữ ổn định và phát triển vững chắc DN;

7. Tiếp tục tái cấu trúc lại doanh nghiệp về tổ chức sản xuất, về bộ máy nhân sự và HĐQT, vốn điều lệ và về hạch toán kinh doanh theo cơ chế thị trường;

8. Chỉ đạo việc thực hiện công bố thông tin doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành;

9. Thực hiện các chức năng quản trị Công ty trong mọi hoạt động SXKD theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT được quy định tại Điều lệ tổ chức Công ty và các quy chế khác.

V. Quản trị công ty

Công ty đã thực hiện báo cáo quản trị đúng theo quy định của pháp luật.

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu (cổ phiếu)
1	Mai Thế Dũng	Chủ tịch HĐQT (đã miễn nhiệm)	314.100
2	Nguyễn Mậu Hoàng	Phó CT HĐQT	0
3	Trần Mạnh Hùng	TV HĐQT – Giám đốc điều hành	10.475
4	Ngô Quốc Vương	Thành viên HĐQT (đã miễn nhiệm)	8.000
5	Nguyễn Thị Thắm	Thành viên HĐQT (đã miễn nhiệm)	16.600
6	Đặng Trí Đức	Thành viên HĐQT (đã bổ nhiệm)	20.000
7	Phạm Đình Lộc	Thành viên HĐQT (đã bổ nhiệm)	0

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2024, HĐQT đã tổ chức 11 phiên họp thường kỳ và 01 phiên họp đột xuất bất thường; để xem xét, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT; mở rộng với sự tham gia dự họp của Ban kiểm soát, Ban giám đốc và Kế toán trưởng Công ty. Các cuộc họp được thực hiện theo đúng nội dung, trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy chế liên quan.

Ngoài ra, để xem xét và giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT phát sinh giữa hai phiên họp, HĐQT đã tranh thủ lấy ý kiến các thành viên, Ban giám đốc,

Ban kiểm soát; để quản trị, giám sát việc thực hiện Nghị quyết HĐQT đề ra.

Thực hiện công bố thông tin và các báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm lưu ký chứng khoán VN và các cơ quan quản lý có thẩm quyền; Nhằm đảm bảo sự công khai, minh bạch theo đúng quy định của pháp luật. Tiếp nhận và xử lý thông tin từ nhà đầu tư hoặc của các cổ đông.

Trong năm qua HĐQT ban hành 11 nghị quyết thuộc thẩm quyền HĐQT theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ. Cụ thể các vấn đề quan trọng:

- Quyết định công bố các nội dung Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2024:

+ Báo cáo Kết quả SXKD năm 2023 và phương hướng SXKD năm 2024 của Ban Giám đốc;

+ Báo cáo hoạt động năm 2023 và phương hướng hoạt động năm 2024 của Hội đồng Quản Trị;

+ Báo cáo hoạt động năm 2023 và phương hướng hoạt động năm 2024 của Ban Kiểm Soát;

+ Thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán;

+ Thông qua phương án sản xuất kinh doanh năm 2024.

+ Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 và kế hoạch phân phối năm 2024;

+ Thông qua Quyết toán quỹ lương, thưởng, thù lao của Ban GD, HĐQT, BKS năm 2023 và KH 2024;

+ Thông qua chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2024.

+ Thông qua tờ trình hủy phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ.

+ Thông qua tờ trình hủy phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho NLĐ.

+ Thông qua tờ trình bán hoặc bàn giao số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị Tài sản trở lên được ghi trong BCTC gần nhất của Công ty.

+ Thông qua các giao dịch với các bên liên quan.

+ Thông qua Giao cho HĐQT thực hiện các giao dịch có giá trị từ 35% tổng giá trị Tài sản trở lên được ghi trong BCTC gần nhất.

+ Thông qua tờ trình miễn nhiệm và bầu bổ sung Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021-2025.

+ Thông qua ý kiến cổ đông về việc tìm đối tác và đầu tư mở rộng sản phẩm mới.

*Về tổ chức:

- Miễn nhiệm 03 Thành viên HĐQT; Bầu bổ sung 02 Thành viên HĐQT.

*Về quản trị:

Thường xuyên soát xét, sửa đổi các Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT; Quy chế làm việc của Ban giám đốc và bộ máy quản lý Công ty; Quy chế trả lương, thù lao và thưởng của Ban giám đốc, HĐQT và Ban kiểm soát Công ty; Phê duyệt phương án SXKD và các chỉ tiêu nhiệm vụ kế hoạch năm 2024; Quyết định phê duyệt định mức lao động - đơn giá tiền lương; Quyết định phê duyệt kế hoạch giá thành sản phẩm ...; Thực hiện chế độ hạch toán kế toán, quản lý tài chính của DN; song song với việc kiểm

toán độc lập, đảm bảo mọi hoạt động SXKD và đầu tư phát triển tuân thủ đúng quy định của Nhà nước;

Đồng thời HĐQT đã có nhiều chủ trương, quyết định hoàn thiện chế độ quản trị Cty phù hợp với yêu cầu của thị trường, xã hội và người lao động

*Các quyết định khác thuộc thẩm quyền của HĐQT.

HĐQT tiếp tục chỉ đạo việc thu hồi nợ khó đòi theo đúng thủ tục tư pháp;

HĐQT thường xuyên phối hợp với Ban kiểm soát thực hiện chức năng giám sát, kiểm soát và hoàn thiện chế độ quản trị; Nhằm duy trì hoạt động của doanh nghiệp an toàn và đảm bảo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty;

Chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, giám sát Ban giám đốc và Bộ máy quản lý Công ty thực hiện đúng Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHCĐ và các quyết định của HĐQT.

Thực hiện chức năng quản trị mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, theo đúng phạm vi quyền hạn của Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị Công ty và các quy định của pháp luật liên quan.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: không có)

e) Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: (không có)

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu (cổ phiếu)
1	Chu Quý Dương	Trưởng ban Kiểm soát	0
2	Ngô Văn Quang	Thành viên Ban kiểm soát	0
3	Đình Thị Hà	Thành viên Ban kiểm soát	0

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp)

Trong năm, Ban kiểm soát đã tổ chức các phiên họp với nội dung tập trung vào những vấn đề thực hiện kiểm tra, giám sát tính phù hợp của các Nghị quyết, quyết định của HĐQT và Ban quản lý điều hành Cty; kiểm soát toàn bộ hoạt động SXKD của Cty; kiểm tra soát xét các hồ sơ, chứng từ sổ sách, báo cáo tài chính Công ty hàng năm.

Ban kiểm soát được tham dự một số cuộc họp của HĐQT và đưa ra một số kiến nghị liên quan đến hoạt động SXKD .

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Lương, thưởng, thù lao của HĐQT, BKS, BGD và cán bộ quản lý được thực hiện trong năm 2024 như sau:

TT	Họ Và Tên	Chức Danh	Năm 2024		
			Lương,	Thù lao	Cộng

			thưởng		
1	Nguyễn Mậu Hoàng	- CT.HĐQT	-	35.481.600	35.481.600
	Nguyễn Mậu Hoàng	- Phó CT HĐQT	-	2.688.000	2.688.000
2	Mai Thế Dũng	- TV HĐQT	-	13.977.600	13.977.600
	Mai Thế Dũng	- CT HĐQT	-	3.225.600	3.225.600
3	Trần Mạnh Hùng	- TV HĐQT kiêm Giám Đốc	391.065.000	25.804.800	416.869.800
4	Đặng Trí Đức	- TV HĐQT	-	9.676.800	9.676.800
5	Phạm Đình Lộc	- TV HĐQT	-	9.676.800	9.676.800
6	Ngô Quốc Vương	- TV HĐQT	-	13.977.600	13.977.600
7	Nguyễn Thị Thắm	- TV HĐQT	-	16.128.000	16.128.000
8	Chu Quý Dương	- Trưởng Ban kiểm soát	-	32.256.000	32.256.000
9	Ngô Văn Quang	- Thành viên B.kiểm soát	278.704.518	25.804.800	304.509.318
10	Đình Thị Hà	- Thành viên B.kiểm soát	-	25.804.800	25.804.800
13	Lê Thảo Phương	- Kế Toán Trưởng	303.314.810	-	303.314.810
Tổng cộng			973.084.328	214.502.400	1.187.586.728

* Ghi chú: Năm 2024 lương BLD và thù lao HĐQT BKS đã hạch toán đủ. Nhưng chưa thanh toán thù lao HĐQT và BKS 2024.

* Về tiền thù lao: do tình hình tài chính công ty gặp khó khăn nên công ty còn nợ tiền thù lao HĐQT và BKS như sau:

- năm 2024 là: 214.502.400 đồng (HĐQT:130.636.800đ, BKS: 83.865.600 đ)
- năm 2023 là: 232.243.200 đồng (HĐQT:148.377.600đ, BKS: 83.865.600 đ)
- năm 2022 là: 232.241.600 đồng (HĐQT:148.377.600đ, BKS: 83.864.000 đ)
- năm 2021 là 127.712.671 đồng (HĐQT:82.160.671đ, BKS: 45.552.000đ).

* Về tiền thưởng: Do hoạt động kinh doanh lỗ nên không có thưởng

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ
1	Nguyễn Mậu Hoàng	CT.HĐQT	0,00	0,00	0,00	0,00
2	Mai Thế Dũng	TV HĐQT (đã miễn nhiệm)	314.100	7,03	314.100	7,03
3	Trần Mạnh Hùng	TV HĐQT, Giám đốc	10.475	0,23	10.475	0,23

4	Ngô Quốc Vương	TV HĐQT (đã miễn nhiệm)	8.000	0,18	2.000	0,04
5	Nguyễn Thị Thắm	TV HĐQT (đã miễn nhiệm)	16.600	0,40	16.600	0,40
6	Đặng Trí Đức	TV HĐQT	0,00	0,00	20.000	0,45
7	Phạm Đình Lộc	TV HĐQT	0,00	0,00	0,00	0,00

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Công ty có vay vốn người liên quan nội bộ của TV HĐQT BLD và cổ đông lớn để trả gốc vay ngân hàng VCB và phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thương mại.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty đã thực hiện báo cáo quản trị đúng theo quy định của pháp luật.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu Tư Bitco Bình Định tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến thuyết minh số VIII.4 của Báo cáo tài chính, Công ty đã phát sinh khoản lỗ thuần là (10.234.604.490) đồng, lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là (38.307.615.910) và nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn là 33.612.850.099 đồng. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, các cổ đông cam kết sẽ hỗ trợ tài chính cho Công ty để đảm bảo Công ty có đủ nguồn lực thanh toán các khoản nợ đến hạn và phục hồi sản xuất. Do đó, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 vẫn được lập dựa trên giải thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: (Đã gửi kèm công bố thông tin và Website: tuynenbinhdinh.com.vn)

Nơi nhận:

- Như trên
- HĐQT, BKS, BGD
- Lưu VT, PKT



Nguyễn Ngọc Linh